

Số: 16 /2012/QĐ-UBND

Hung Yên, ngày 28 tháng 8 năm 2012

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định mức thu viện phí  
tại các cơ sở y tế công lập tỉnh Hưng Yên

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND số 11/2003/QH11 ngày 26/11/2003;  
Căn cứ Luật Khám bệnh chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;  
Căn cứ Pháp lệnh Giá số 40/2002/PL-UBTVQH ngày 26/4/2002 của Ủy  
ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 170/2003/NĐ-CP ngày  
25/12/2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá; số  
75/2008/NĐ-CP ngày 09/6/2008 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số  
170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của  
Pháp lệnh Giá; số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 quy định chi tiết và hướng  
dẫn thi hành một số điều của Luật Khám bệnh chữa bệnh bao gồm cả các trạm y  
tế xã và tương đương;

Căn cứ các Thông tư liên tịch: số 03/2006/TTLT-BYT-BTC-BLĐT&XH  
ngày 26/01/2006 của Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã  
hội bổ sung Thông tư số 14/TTLB ngày 30/09/1995 của liên Bộ Y tế, Tài chính,  
Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Vật giá Chính phủ hướng dẫn thực hiện  
việc thu một phần viện phí; số 04/2012/TTLT-BYT-BTC ngày 29/02/2012 của  
Bộ Y tế, Bộ Tài chính ban hành mức tối đa khung giá một số dịch vụ khám bệnh  
chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh chữa bệnh của Nhà nước;

Căn cứ Công văn số 2210/BYT-KHTC ngày 16/4/2012 của Bộ Y tế hướng  
dẫn triển khai Thông tư liên tịch 04/2012/TTLT-BYT-BTC;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2012/NQ-HĐND ngày 20/7/2012 của HĐND tỉnh  
về quy định mức thu viện phí tại các cơ sở y tế công lập;

Theo đề nghị của Sở Y tế tại các Tờ trình: số 342/SYT-KHTC ngày  
29/5/2012 và số 551/SYT-KHTC ngày 06/8/2012 về việc xin phê duyệt quy  
định mức thu viện phí tại các cơ sở y tế công lập tỉnh Hưng Yên theo Thông tư  
liên tịch số 04/2012/TTLT-BYT-BTC ngày 29/02/2012 của Bộ Y tế, Bộ Tài  
chính ban hành mức tối đa khung giá một số dịch vụ khám bệnh chữa bệnh  
trong các cơ sở khám bệnh chữa bệnh của Nhà nước,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Mức thu viện phí tại các cơ sở  
y tế công lập tỉnh Hưng Yên theo các Phụ biểu sau:

- Phụ biểu số 01: Mức thu các loại phẫu thuật;
- Phụ biểu số 02: Mức thu các loại thủ thuật;
- Phụ biểu số 03: Mức thu các dịch vụ khám chữa bệnh.

**Điều 2.** - Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2012; các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ;

- Giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Y tế căn cứ quy định hiện hành của Nhà nước và Điều 1 Quyết định này hướng dẫn các cơ sở y tế công lập tỉnh Hưng Yên thực hiện; tổ chức kiểm tra và giám sát quá trình thực hiện của các cơ sở y tế công lập tỉnh Hưng Yên.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở ngành: Tài chính, Y tế, Kho bạc nhà nước tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; thủ trưởng các cơ sở y tế công lập tỉnh Hưng Yên và thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành. *a*

**Nơi nhận:**

- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Y tế;
- Bộ Tài chính;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên;
- Báo Hưng Yên;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT; CV: TH<sup>T</sup>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Thông**

**PHỤ BIỂU SỐ 01**  
**MỨC THU CÁC LOẠI PHẪU THUẬT**  
(Đính kèm Quyết định số: *16* /2012/QĐ-UBND ngày *28* /8/2012 của UBND tỉnh)

**1. Phẫu thuật ung thư:**

- Cắt toàn bộ tuyến giáp và vét hạch cổ 2 bên: 3.000.000đ;
- Cắt bỏ các tạng trong tiểu khung từ 2 tạng trở lên: 3.000.000đ;
- Cắt ½ dạ dày do ung thư kèm vét hạch hệ thống: 3.000.000đ;
- Cắt toàn bộ tuyến giáp một thùy có vét hạch cổ 1 bên: 2.500.000đ;
- Cắt tuyến vú mở rộng có vét hạch: 2.500.000đ;
- Cắt ung thư buồng trứng kèm cắt toàn bộ tử cung và mạc nối lớn: 2.500.000đ;
- Cắt bỏ tinh hoàn và vét hạch ổ bụng: 2.500.000đ;
- Cắt tinh hoàn ung thư lạc chỗ có vét hạch ổ bụng: 2.500.000đ;
- Cắt chi và vét hạch: 2.500.000đ;
- Cắt ung thư da có vá da rộng đường kính trên 5cm: 2.500.000đ;
- Cắt ung thư thận: 2.500.000đ;
- Cắt bỏ dương vật có vét hạch: 2.600.000đ;
- Cắt âm hộ vét hạch bẹn 2 bên: 2.600.000đ;
- Khoét nhãn cầu vét cắt bỏ nhãn cầu mi hồ mắt ung thư: 2.800.000đ;
- Phẫu thuật vét hạch dưới hàm đặt Catather động mạch lưới để truyền hóa chất: 3.000.000đ;
- Cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính bằng và trên 5 cm: 2.500.000đ;
- Thất động mạch gan ung thư hoặc chảy máu đường mật: 1.850.000đ;
- Phẫu thuật khoét hạch nách: 1.800.000đ;
- Cắt u giáp trạng: 1.800.000đ.

**2. Phẫu thuật thần kinh sọ não:**

- Khâu vết thương xoang tĩnh mạch dọc trên xoang tĩnh mạch bên xoang hơi trán: 3.500.000đ;
- Cắt u bán cầu đại não: 2.500.000đ;
- Phẫu thuật áp xe não: 2.500.000đ;
- Lấy máu tụ trong sọ ngoài màng cứng dưới màng cứng trong não: 2.500.000đ;
- Phẫu thuật chèn ép tuỷ: 2.500.000đ;
- Phẫu thuật thoát vị đĩa đệm: 2.500.000đ;
- Phẫu thuật vét thương sọ não hở: 2.000.000đ;
- Phẫu thuật viêm xương sọ: 2.000.000đ;
- Dẫn lưu não thất: 2.000.000đ;
- Ghép khuyết xương sọ: 1.500.000đ.

**3. Phẫu thuật tai - mũi - họng:**

- Phẫu thuật kiểm tra xương chũm: 1.200.000đ;
- Phẫu thuật vách ngăn mũi: 1.200.000đ;
- Phẫu thuật cắt amidan gây mê: 500.000đ;
- Nắn sống mũi sau chấn thương: 1.000.000đ;
- Phẫu thuật lỗ thông mũi xoang qua khe dưới: 1.000.000đ.

**4. Phẫu thuật răng - hàm - mặt:**

- Nhổ răng khôn mọc lệch 90 độ hoặc ngầm dưới lợi dưới niêm mạc phải chụp phim răng để chẩn đoán xác định và chọn phương pháp phẫu thuật: 1.000.000đ;
- Phẫu thuật điều chỉnh xương ổ răng và nhổ nhiều răng hàng loạt từ 4 răng trở lên: 1.200.000đ;

- Nắn sai khớp thái dương hàm 2 bên đến muộn: 1.200.000đ;
- Cắt bỏ nang xương hàm từ 2 -5 cm: 1.200.000đ;
- Phẫu thuật lấy xương chết nạo rò trong viêm xương hàm trên hàm dưới: 1.200.000đ;
- Cắt bỏ toàn bộ nang sàn miệng từ 2 -5 cm: 1.200.000đ;
- Mở xoang hàm thủ thuật Cald-Well-luc để lấy chóp răng hoặc răng ngầm: 1.200.000đ;
- Rút chỉ thép kết hợp xương treo xương điều trị gãy xương vùng hàm mặt: 1.200.000đ;
- Cắt nang răng đường kính dưới 2 cm: 1.000.000đ;
- Nhổ răng khôn hàm dưới mọc lệch 45<sup>0</sup>: 700.000đ;
- Nhổ chân răng khó bằng phẫu thuật: 700.000đ;
- Phẫu thuật phục hồi thân răng có chốt vít vào ống tủy: 1.000.000đ;
- Liên kết các răng bằng dây nẹp hoặc máng để điều trị viêm quanh răng: 1.000.000đ;
- Phẫu thuật lật vạt điều trị viêm quanh răng nhóm 1 sextant: 1.000.000đ;
- Cố định xương hàm gãy bằng dây nẹp hoặc bằng máng có một xương gãy: 1.000.000đ;
- Khâu lộn thông ra ngoài điều trị nang xơ hàm hoặc nang sàn miệng: 1.000.000đ;
- Ghép da rời mỗi chiều bằng và trên 2 cm: 1.000.000đ;
- Lấy xương hoại tử dưới 2cm trong viêm tủy hàm: 1.000.000đ.

#### **5. Phẫu thuật tiêu hóa - ổ bụng:**

- Cắt dạ dày phẫu thuật lại: 2.000.000đ;
- Cắt dạ dày sau nối vị tràng: 2.000.000đ;
- Cắt một nửa dạ dày sau cắt dây thần kinh X: 2.000.000đ;
- Phẫu thuật điều trị tắc ruột do dính: 2.000.000đ;
- Cắt lại đại tràng: 2.000.000đ;
- Cắt một nửa đại tràng phải trái: 2.000.000đ;
- Cắt cụt trực tràng đường bụng đường tầng sinh môn: 2.000.000đ;
- Cắt trực tràng giữ lại cơ tròn: 2.000.000đ;
- Cắt u sau phúc mạc tái phát: 2.000.000đ;
- Cắt u sau phúc mạc: 2.000.000đ;
- Cắt đoạn đại tràng ngang đại tràng sigma nối ngay: 2.000.000đ;
- Phẫu thuật xoắn dạ dày kèm cắt dạ dày: 2.000.000đ;
- Cắt một nửa dạ dày do loét viêm u lành: 2.000.000đ;
- Cắt túi thừa tá tràng: 2.000.000đ;
- Phẫu thuật tắc ruột do dây chằng: 2.000.000đ;
- Cắt u mạc treo có cắt ruột: 2.000.000đ;
- Phẫu thuật sa trực tràng đường bụng hoặc đường tầng sinh môn có cắt ruột: 2.000.000đ;
- Cắt dị tật hậu môn trực tràng nối ngay: 2.000.000đ;
- Khâu vết thương lớn tầng sinh môn kèm rách cơ tròn làm hậu môn nhân tạo: 2.000.000đ;
- Phẫu thuật thoát vị cơ hoành có kèm trào ngược: 2.000.000đ;
- Cắt dây thần kinh X có hay không kèm tạo hình: 1.850.000đ;
- Cắt đoạn ruột non: 2.500.000đ;
- Cắt đoạn đại tràng làm hậu môn nhân tạo: 2.600.000đ;
- Phẫu thuật sa trực tràng không cắt ruột: 2.000.000đ;
- Cắt u trực tràng ống hậu môn đường dưới: 2.000.000đ;
- Cắt bỏ trĩ vòng: 2.000.000đ;
- Đóng hậu môn nhân tạo trong phúc mạc: 2.000.000đ;
- Dẫn lưu áp xe dưới cơ hoành có cắt sườn: 2.000.000đ;

*đ*

- Phẫu thuật rò hậu môn phức tạp hay phẫu thuật lại: 1.900.000đ;
- Phẫu thuật thoát vị khó: đùi, bẹn có cắt ruột: 2.100.000đ;
- Khâu lỗ thủng dạ dày tá tràng đơn thuần: 1.500.000đ;
- Nối vị tràng: 1.500.000đ;
- Cắt u mạc treo không cắt ruột: 1.500.000đ;
- Phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa: 1.500.000đ;
- Cắt ruột thừa viêm ở vị trí bất thường: 1.500.000đ;
- Cắt ruột thừa kèm túi Meckel: 1.600.000đ;
- Phẫu thuật áp xe ruột thừa ở giữa bụng: 1.800.000đ;
- Làm hậu môn nhân tạo: 1.500.000đ;
- Đóng hậu môn nhân tạo ngoài phúc mạc: 1.650.000đ;
- Phẫu thuật rò hậu môn các loại: 1.600.000đ;
- Cắt dị tật hậu môn trực tràng không nối ngay: 1.600.000đ;
- Phẫu thuật vết thương tầng sinh môn: 1.500.000đ;
- Dẫn lưu ép xe dưới cơ hoành: 1.350.000đ;
- Dẫn lưu áp xe tồn dư trên dưới cơ hoành: 1.350.000đ;
- Mổ bụng thăm dò: 1.350.000đ;
- Phẫu thuật áp xe hậu môn có mở lỗ rò: 1.500.000đ;
- Phẫu thuật thoát vị bẹn thất: 1.800.000đ;
- Dẫn lưu áp xe ruột thừa: 1.450.000đ;
- Cắt ruột thừa ở vị trí bình thường: 1.400.000đ;
- Khâu lại bọc thành bụng đơn thuần: 1.200.000đ;
- Phẫu thuật thoát vị bẹn hay thành bụng thường: 1.500.000đ;
- Dẫn lưu áp xe hậu môn đơn giản: 1.000.000đ;
- Khâu lại da vết phẫu thuật sau nhiễm khuẩn: 1.000.000đ.

#### **6. Phẫu thuật gan - mật - tụy:**

- Lấy sỏi ống mật chủ dẫn lưu ống Kehr kèm cắt túi mật: 2.500.000đ;
- Lấy sỏi ống mật chủ dẫn lưu ống Kehr phẫu thuật lại: 2.500.000đ;
- Nối ống mật chủ-hỗng tràng kèm dẫn lưu trong gan và cắt gan: 2.500.000đ;
- Lấy sỏi ống mật chủ và nối mật ruột: 2.500.000đ;
- Cắt gan không điển hình do vỡ gan cắt gan nhỏ: 2.500.000đ;
- Lấy sỏi ống mật chủ dẫn lưu ống Kehr lần đầu: 2.500.000đ;
- Nối ống mật chủ-tá tràng: 2.500.000đ;
- Cắt lách do chấn thương: 3.000.000đ;
- Nối túi mật-hỗng tràng: 3.000.000đ;
- Dẫn lưu túi mật và dẫn lưu hậu cung mạc nối kèm lấy tổ chức tụy hoại tử: 2.500.000đ;
- Dẫn lưu áp xe tụy: 2.200.000đ;
- Khâu vỡ gan do chấn thương vết thương gan: 3.150.000đ;
- Phẫu thuật vỡ tụy bằng chèn gạc cầm máu: 1.550.000đ;
- Lấy sỏi dẫn lưu túi mật: 1.750.000đ;
- Dẫn lưu áp xe gan: 850.000đ.

#### **7. Phẫu thuật tiết niệu - sinh dục:**

- Lấy sỏi san hô thận: 3.000.000đ;
- Lấy sỏi thận qua da: 2.000.000đ;
- Cắt thận đơn thuần: 3.000.000đ;

- Cắt thận bán phần: 3.200.000đ;
- Lấy sỏi mở bể thận trong xoang: 3.000.000đ;
- Lấy sỏi bể thận đài thận có dẫn lưu thận: 3.000.000đ;
- Lấy sỏi niệu quản tái phát phẫu thuật lại: 3.000.000đ;
- Cắt u tuyến tiền liệt lành đường trên: 3.000.000đ;
- Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang: 2.000.000đ;
- Lấy sỏi bàng quang lần 2 đóng lỗ rò bàng quang: 2.500.000đ;
- Lấy sỏi niệu quản: 1.500.000đ;
- Phẫu thuật cấp cứu vỡ bàng quang: 1.500.000đ;
- Lấy sỏi bể thận ngoài xoang: 1.500.000đ;
- Phẫu thuật xoắn vỡ tinh hoàn: 1.400.000đ;
- Thất tĩnh mạch tinh trên bụng: 1.600.000đ;
- Nối ống dẫn tinh sau phẫu thuật đình sản: 1.300.000đ;
- Dẫn lưu thận qua da: 1.200.000đ;
- Lấy sỏi bàng quang: 1.800.000đ;
- Dẫn lưu nước tiểu bàng quang: 1.600.000đ;
- Dẫn lưu viêm tấy quanh thận áp xe thận: 950.000đ;
- Dẫn lưu áp xe khoang retzius: 780.000đ;
- Phẫu thuật áp xe tuyến tiền liệt: 950.000đ;
- Cắt u nang thừng tinh: 1.000.000đ;
- Cắt u sùi đầu miệng sáo: 950.000đ;
- Cắt u dương vật lành: 950.000đ;
- Cắt túi thừa niệu đạo: 950.000đ;
- Phẫu thuật chữa xơ cứng dương vật: 1.150.000đ.

#### **8. Phẫu thuật phụ sản:**

- Cắt tử cung tình trạng người bệnh nặng viêm phúc mạc nặng kèm vỡ tạng trong tiểu khung vỡ tử cung phức tạp: 3.000.000đ;
- Cắt u tiểu khung thuộc tử cung buồng trứng to dính cắt sâu trong tiểu khung: 3.000.000đ;
- Cắt tử cung và thất động mạch hạ vị trong chảy máu thứ phát sau phẫu thuật sản khoa: 3.000.000đ;
- Cắt toàn bộ tử cung đường bụng: 2.800.000đ;
- Cắt tử cung bán phần: 2.700.000đ;
- Đóng rò trực tràng - âm đạo hoặc bàng quang-âm đạo: 2.800.000đ;
- Lấy thai trong bệnh đặc biệt: tim, thận, gan: 2.800.000đ;
- Mở thông vòi trứng hai bên: 2.800.000đ;
- Phẫu thuật chữa ngoài tử cung vỡ có choáng: 2.800.000đ;
- Phẫu thuật LeFort: 1.500.000đ;
- Lấy thai triệt sản: 1.500.000đ;
- Khâu tầng sinh môn rách phức tạp đến cơ vòng: 1.500.000đ;
- Cắt cụt cổ tử cung: 1.500.000đ;
- Phẫu thuật treo tử cung: 1.500.000đ;
- Cắt u nang buồng trứng kèm triệt sản: 1.500.000đ;
- Làm lại thành âm đạo: 1.500.000đ;
- Cắt bỏ âm hộ đơn thuần: 1.500.000đ;
- Cắt u nang vú hay u vú lành: 1.000.000đ;
- Khâu tử cung do nạo thủng: 1.500.000đ;

- Lấy vòng trong ổ bụng qua đường rạch nhỏ: 1.500.000đ;
- Triệt sản qua đường rạch nhỏ sau nạo thai: 1.500.000đ;
- Lấy khối máu tụ âm đạo tầng sinh môn: 1.000.000đ.

#### **9. Phẫu thuật nhi:**

- Phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa ở trẻ em dưới 6 tuổi: 1.950.000đ;
- Phẫu thuật tháo lồng ruột: 1.500.000đ;
- Phẫu thuật thoát vị nghẹt bẹn đùi rốn: 1.700.000đ;
- Nong hậu môn dưới gây mê: 1.500.000đ;
- Phẫu thuật điều trị áp xe gan do giun mở ống mật chủ lấy giun lần đầu: 2.000.000đ;
- Lấy sỏi nhu mô thận: 2.200.000đ;
- Phẫu thuật hạ tinh hoàn hai bên: 2.700.000đ;
- Phẫu thuật hạ lại tinh hoàn: 2.700.000đ;
- Phẫu thuật tràn dịch màng tinh hoàn hai bên: 1.600.000đ;
- Cắt u nang buồng trứng xoắn: 1.800.000đ;
- Đóng các lỗ rò niệu đạo: 1.600.000đ;
- Phẫu thuật thoát vị bẹn hai bên: 1.800.000đ;
- Phẫu thuật sỏi bàng quang: 1.600.000đ;
- Phẫu thuật nang thừng tinh một bên: 1.600.000đ;
- Lấy sỏi niệu đạo: 1.250.000đ;
- Phẫu thuật thoát vị bẹn: 1.500.000đ;
- Mở thông bàng quang: 1.200.000đ;
- Phẫu thuật tách ngón một (ngón cái) độ II, III, IV: 1.500.000đ;
- Cắt lọc vết thương gãy xương hở nặng chỉnh có cố định tạm thời: 3.200.000đ;
- Dẫn lưu ép xe cơ đái chậu: 1.700.000đ;
- Cắt lọc đơn thuần vết thương bàn tay: 1.300.000đ;
- Chích áp xe phần mềm lớn: 1.200.000đ.

#### **10. Phẫu thuật chấn thương - chỉnh hình:**

- Cố định nẹp vít gãy liên lồi cầu cánh tay: 2.500.000đ;
- Phẫu thuật gãy xương cánh tay kèm tổn thương thần kinh hoặc mạch máu: 2.500.000đ;
- Phẫu thuật trật khớp khuỷu: 2.100.000đ;
- Cố định nẹp vít gãy hai xương cẳng tay: 2.500.000đ;
- Thay chỏm xương đùi: 2.500.000đ;
- Đặt đinh nẹp gãy xương đùi (Xuôi dòng): 2.500.000đ;
- Kết xương đinh nẹp một khối gãy liên mấu chuyên hoặc dưới mấu chuyên: 2.500.000đ;
- Kết xương đinh nẹp khối gãy trên lồi cầu liên lồi cầu: 2.500.000đ;
- Đặt nẹp vít gãy mâm chày và đầu trên xương chày: 3.000.000đ;
- Ghép trong mất đoạn xương: 2.300.000đ;
- Phẫu thuật điều trị cal lệch có kết hợp xương: 2.500.000đ;
- Vá da dày toàn bộ diện tích bằng và trên 10cm<sup>2</sup>: 2.500.000đ;
- Chuyển vạt da có cuốn mạch: 2.750.000đ;
- Cố định nẹp vít gãy thân xương cánh tay: 2.500.000đ;
- Đóng đinh nội tủy gãy 2 xương cẳng tay: 2.500.000đ;
- Phẫu thuật toác khớp mu: 2.000.000đ;
- Cắt cụt máu dưới chuyên xương đùi: 2.000.000đ;
- Phẫu thuật trật khớp háng: 2.000.000đ;

- Đặt nẹp vít mắt cá trong ngoài hoặc Dupuytre: 2.500.000đ;
- Phẫu thuật cal lệch không kết hợp xương: 2.500.000đ;
- Đục nạo xương viêm và chuyển vạt che phủ: 2.000.000đ;
- Phẫu thuật vết thương khớp: 2.500.000đ;
- Nối gân gấp: 3.000.000đ;
- Vá da dây toàn bộ diện tích dưới 10cm<sup>2</sup>: 2.800.000đ;
- Tạo hình các vạt da che phủ vạt trượt: 2.800.000đ;
- Cắt u xơ cơ xâm lấn: 2.100.000đ;
- Phẫu thuật gãy xương đòn: 2.500.000đ;
- Phẫu thuật gãy đầu dưới xương quay và trật khớp quay trụ dưới: 2.900.000đ;
- Đóng đinh xương đùi mở ngược dòng: 2.900.000đ;
- Lấy bỏ sụn chêm khớp gối: 2.900.000đ;
- Đóng đinh xương chày mở: 2.900.000đ;
- Đặt nẹp vít gãy thân xương chày: 2.500.000đ;
- Đặt nẹp vít gãy đầu dưới xương chày: 2.500.000đ;
- Phẫu thuật Kirschner gãy đốt bàn nhiều đốt bàn: 2.500.000đ;
- Phẫu thuật Kirschner gãy thân xương sên: 2.500.000đ;
- Đặt vít gãy thân xương sên: 2.300.000đ;
- Đặt vít gãy trật xương thuyền: 1.950.000đ;
- Cắt u xương sụn: 2.500.000đ;
- Nối gân duỗi: 2.800.000đ;
- Mở khoang và giải phóng mạch bị chèn ép của các chi: 2.800.000đ;
- Phẫu thuật gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay: 1.550.000đ;
- Phẫu thuật gãy mỏm trên ròng rọc xương cánh tay: 1.550.000đ;
- Phẫu thuật viêm xương cánh tay: Đục, mổ, nạo, dẫn lưu: 1.550.000đ;
- Cắt cụt cánh tay: 1.400.000đ;
- Tháo khớp khuỷu: 1.000.000đ;
- Phẫu thuật cal lệch đầu dưới xương quay: 1.700.000đ;
- Tháo khớp cổ tay: 1.000.000đ;
- Phẫu thuật viêm xương cẳng tay đục, mổ, nạo, dẫn lưu: 1.650.000đ;
- Phẫu thuật viêm xương đùi đục, mổ, nạo, dẫn lưu: 1.700.000đ;
- Tháo khớp gối: 1.700.000đ;
- Néo ép hoặc buộc vòng chỉ thép gãy xương bánh chè: 1.800.000đ;
- Cắt cụt cẳng chân: 1.750.000đ;
- Phẫu thuật cơ gân Achille: 1.300.000đ;
- Tháo một nửa bàn chân trước: 1.300.000đ;
- Đặt nẹp vít trong gãy trật xương chêm: 1.300.000đ;
- Cắt u máu khu trú đường kính dưới 5 cm: 1.500.000đ;
- Găm Kirschner trong gãy mắt cá: 1.500.000đ;
- Phẫu thuật viêm tấy bàn tay, cả viêm bao hoạt dịch: 1.300.000đ;
- Kết hợp xương trong gãy xương mác: 1.550.000đ;
- Cắt u xương sụn lạnh tính: 1.800.000đ;



- Tháo bỏ các ngón tay, ngón chân: 1.350.000đ;
- Tháo đốt bàn: 1.350.000đ.

### **11. Phẫu thuật bỏng:**

#### **a) Người lớn:**

- Cắt lọc da, cơ, gân trên 5% diện tích cơ thể: 2.500.000đ;
- Cắt hoại tử tiếp tuyến 10-15% diện tích cơ thể: 1.500.000đ;
- Cắt lọc da, cơ, gân từ 3-5% diện tích cơ thể: 1.500.000đ;
- Cắt lọc da, cơ, gân dưới 3% diện tích cơ thể: 1.300.000đ.

#### **b) Trẻ em:**

- Cắt lọc da, cơ, gân trên 3% diện tích cơ thể: 1.500.000đ;
- Cắt hoại tử tiếp tuyến từ 3-8% diện tích cơ thể: 1.500.000đ;
- Cắt lọc da, cơ, gân dưới 1% diện tích cơ thể: 1.350.000đ.

#### **c) Ghép da:**

- Ghép da tự thân trên 10% diện tích cơ thể: 2.900.000đ;
- Ghép da tự thân dưới 5% diện tích cơ thể: 1.500.000đ.

### **12. Phẫu thuật nội soi:**

- Cắt u bàng quang tái phát qua nội soi: 2.800.000đ;
- Dẫn lưu đường mật trong và ngoài qua nội soi: 2.900.000đ;
- Phẫu thuật mũi xoang qua nội soi: 2.500.000đ;
- Cắt u nhú tai mũi họng qua nội soi: 2.500.000đ;
- Phẫu thuật hội chứng ống cổ tay qua nội soi: 2.800.000đ;
- Cắt ruột thừa qua nội soi: 3.000.000đ;
- Khâu thủng dạ dày qua nội soi: 3.000.000đ;
- Phẫu thuật chữa ngoài tử cung qua nội soi: 1.500.000đ;
- Cắt polyp đại tràng qua nội soi: 1.500.000đ;
- Cắt van niệu đạo sau trẻ em qua nội soi: 2.300.000đ;
- Cắt u niệu đạo, van niệu đạo qua nội soi: 1.500.000đ;
- Cắt polyp dạ dày qua nội soi: 1.500.000đ;
- Cắt polyp đại tràng sigma qua nội soi: 1.500.000đ;
- Cắt polyp trực tràng qua nội soi: 1.500.000đ;
- Cắt u nang hạ họng thanh quản qua nội soi: 1.500.000đ. *a*

**PHỤ BIỂU SỐ 02**  
**MỨC THU CÁC LOẠI THỦ THUẬT**

(Đính kèm Quyết định số: *16* /2012/QĐ-UBND ngày *28* /8/2012 của UBND tỉnh)

**1. Thủ thuật tai - mũi - họng:**

- Khâu vành tai rách sau chấn thương: 370.000đ;
- Soi, sinh thiết vòm họng, thanh quản, hạ họng, hốc mũi lấy dị vật: 330.000đ;
- Đặt ống thông khí vòm tai: 400.000đ;
- Chích nhọt ống tai ngoài: 140.000đ.

**2. Thủ thuật răng - hàm - mặt:**

- Chọc sinh thiết u vùng hàm mặt: 330.000đ;
- Điều trị viêm tuyến mang tai tuyến dưới hàm bằng bơm rửa qua lỗ ống tuyến nhiều lần: 160.000đ;
- Mài răng làm cầu chụp hàm khung từ 2 răng trở lên: 115.000đ.

**3. Thủ thuật tiêu hóa - gan - mật - tụy:**

- Đặt ống thông đại tràng tháo xoắn đại tràng sigma: 750.000đ;
- Chọc mật qua da dẫn lưu tạm thời đường mật qua da: 760.000đ;
- Chọc dò túi cùng Douglas: 400.000đ.

**4. Thủ thuật tiết niệu - sinh dục:**

- Sinh thiết thận (qua siêu âm hoặc sinh thiết mù): 500.000đ;
- Lấy sỏi/tán sỏi niệu quản qua nội soi: 1.200.000đ;
- Nội soi bàng quang đưa catheter lên niệu quản bơm rửa niệu quản sau tán sỏi ngoài cơ thể khi sỏi tắc ở niệu quản: 1.000.000đ;
- Dẫn lưu bể thận tối thiểu: 1.000.000đ;
- Nội soi bàng quang bơm rửa lấy máu cục tránh phẫu thuật: 730.000đ;
- Đặt ống thông niệu quản qua nội soi: 730.000đ;
- Dẫn lưu bàng quang bằng chọc Trôca: 500.000đ;
- Bơm rửa bàng quang, bơm hoá chất: 300.000đ;
- Thay sonde dẫn lưu thận, bàng quang: 300.000đ.

**5. Thủ thuật phụ sản:**

- Huỷ thai: cắt thân thai nhi ngôi ngang: 2.000.000đ;
- Huỷ thai: chọc óc, kẹp sọ, kéo thai: 1.000.000đ;
- Chọc dò tuỷ sống sơ sinh: 1.000.000đ;
- Nạo phá thai trên 12 tuần: 300.000đ;
- Dẫn lưu cùng đồ Douglas: 500.000đ;
- Chọc nang buồng trứng đường âm đạo: 1.000.000đ;
- Đặt nội khí quản sơ sinh + thở máy: 800.000đ;
- Cấy/rút mảnh ghép tránh thai nhiều que: 800.000đ;
- Sinh thiết buồng tử cung: 350.000đ.

**6. Thủ thuật nhi:**

- Nắn bó chỉnh hình chân khoèo: 800.000đ;
- Bật ngực vai cánh tay có kéo nắn: 800.000đ;
- Bật chậu lưng chân có kéo nắn: 800.000đ;
- Bật đùi cẳng bàn chân có kéo nắn: 700.000đ; *✓*

- Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản khâu cầm máu: 700.000đ;
- Bóp bóng ambu,thở ngạt: 700.000đ.

**7. Thủ thuật hồi sức cấp cứu - gây mê hồi sức - lọc máu:**

- Gây tê màng cứng làm giảm đau ở người bệnh mảng sườn di động,khi đi,sau phẫu thuật: 200.000đ;
- Lấy máu truyền lại qua lọc thô: 900.000đ;
- Tạo lỗ rò động tĩnh mạch bằng ghép mạch máu: 840.000đ;
- Phong bế đám rối thần kinh cánh tay đùi khuỷu tay để giảm đau: 300.000đ;
- Bơm rửa bàng quang lấy máu cục do chảy máu: 300.000đ;
- Đặt ống thông bàng quang: 300.000đ.

**8. Thủ thuật chuẩn đoán hình ảnh:**

- Chọc dò,làm sinh thiết,chẩn đoán tế bào học hoặc dẫn lưu dưới hướng dẫn của siêu âm,cắt lớp vi tính,cộng hưởng từ: 1.000.000đ;
- Siêu âm đầu dò âm đạo,trực tràng: 250.000đ;
- Chụp niệu đạo ngược dòng: 600.000đ;
- Chụp cộng hưởng từ có thuốc đối quang từ: 800.000đ;
- Siêu âm,X-Quang trên bàn mổ hoặc bàn chỉnh hình: 600.000đ;
- Siêu âm,X-Quang tại giường: 50.000đ;
- Siêu âm Doppler mạch máu: 300.000đ.

**9. Thủ thuật nội soi:** Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chảy máu tiêu hoá cao để chẩn đoán và điều trị: 1.100.000đ. *✓*

**PHỤ BIỂU SỐ 03**  
**MỨC THU CÁC DỊCH VỤ KHÁM CHỮA BỆNH**  
(Đính kèm Quyết định số: *16* /2012/QĐ-UBND ngày *28* /8/2012 của UBND tỉnh)

**1. Khám lâm sàng chung khám chuyên khoa:**

- Bệnh viện hạng I: 16.000đ;
- Bệnh viện hạng II: 10.000đ;
- Bệnh viện hạng III: 7.000đ;
- Trạm y tế xã: 3.000đ;
- Hội chẩn để xác định ca bệnh khó (chuyên gia/ca) chỉ áp dụng đối với hội chẩn liên viện: 200.000đ;
- Khám cấp giấy chứng thương, giám định y khoa (không kể xét nghiệm X-quang): 100.000đ;
- Khám sức khỏe toàn diện lao động, lái xe, khám sức khỏe định kỳ (không kể xét nghiệm, X-quang): 100.000đ;
- Khám sức khỏe toàn diện cho người đi xuất khẩu lao động: 300.000đ.

**2. Giá một ngày giường bệnh:**

- a) Ngày điều trị Hồi sức tích cực (ICU), chưa bao gồm chi phí máy thở nếu có: 200.000đ.
- b) Ngày giường bệnh Hồi sức cấp cứu (Chưa bao gồm chi phí sử dụng máy thở nếu có) mức thu như sau:
  - Bệnh viện hạng I: 120.000đ;
  - Bệnh viện hạng II: 70.000đ;
  - Bệnh viện hạng III: 50.000đ.
- c) Ngày giường bệnh Nội khoa:
  - Loại 1: Các khoa: Truyền nhiễm, Hô hấp, Huyết học, Ung thư, Tim mạch, Thần kinh, Nhi, Tiêu hoá, Thận học; Nội tiết mức thu như sau:
    - + Bệnh viện hạng I: 60.000đ;
    - + Bệnh viện hạng II: 50.000đ;
    - + Bệnh viện hạng III: 30.000đ.
  - Loại 2: Các Khoa: Cơ - Xương - Khớp, Da liễu, Dị ứng, Tai - Mũi - Họng, Mắt, Răng - Hàm - Mặt, Ngoại, Phụ sản không mổ mức thu như sau:
    - + Bệnh viện hạng I: 50.000đ;
    - + Bệnh viện hạng II: 35.000đ;
    - + Bệnh viện hạng III: 25.000đ.
  - Loại 3: Các khoa: YHDT, Phục hồi chức năng mức thu như sau:
    - Bệnh viện hạng I: 40.000đ;
    - Bệnh viện hạng II: 25.000đ;
    - Bệnh viện hạng III: 18.000đ.
- d) Ngày giường bệnh ngoại khoa; bông:
  - Loại 1: Sau các phẫu thuật loại đặc biệt; Bỏng độ 3-4 trên 70% diện tích cơ thể mức thu như sau:
    - + Bệnh viện hạng I: 120.000đ;
    - + Bệnh viện hạng II: 90.000đ.
  - Loại 2: Sau các phẫu thuật loại 1; Bỏng độ 3-4 từ 25 -70% diện tích cơ thể mức thu như sau:
    - + Bệnh viện hạng I: 90.000đ;
    - + Bệnh viện hạng II: 55.000đ;
    - + Bệnh viện hạng III: 40.000đ. *a*

- Loại 3: Sau các phẫu thuật loại 2; Bỏng độ 2 trên 30% diện tích cơ thể, Bỏng độ 3-4 dưới 25% diện tích cơ thể mức thu như sau:

- + Bệnh viện hạng I: 75.000đ;
- + Bệnh viện hạng II: 60.000đ;
- + Bệnh viện hạng III: 35.000đ.

- Loại 4: Sau các phẫu thuật loại 3; Bỏng độ 1, độ 2 dưới 30% diện tích cơ thể mức thu như sau:

- + Bệnh viện hạng I: 60.000đ;
- + Bệnh viện hạng II: 35.000đ;
- + Bệnh viện hạng III: 25.000đ.

đ) Ngày giường bệnh tại Trạm y tế xã: 8.000đ.

Ghi chú: Giá một ngày giường bệnh tại Mục 2 tính cho 01 người/ngày/giường bệnh; năm ghép 02 người/ngày/giường bệnh thì mức thu 01 người tối đa là 50%; năm ghép từ 03 người/ngày/giường bệnh trở lên thì mức thu 01 người tối đa là 30%.

### **3. Giá các dịch vụ kỹ thuật và xét nghiệm:**

#### **3.1. Chẩn đoán bằng hình ảnh:**

##### **a) Siêu âm:**

- Siêu âm: 30.000đ;
- Siêu âm Doppler màu tim 4 D (3D REAL TIME): 250.000đ.

##### **b) Chụp X-Quang các chi:**

- Các ngón tay hoặc ngón chân: 30.000đ;
- Bàn tay hoặc cổ tay hoặc cẳng tay hoặc khuỷu tay hoặc cánh tay hoặc khớp vai hoặc xương đòn hoặc xương bả vai (một tư thế): 30.000đ;
- Bàn tay hoặc cổ tay hoặc cẳng tay hoặc khuỷu tay hoặc cánh tay hoặc khớp vai hoặc xương đòn hoặc xương bả vai (hai tư thế): 35.000đ;
- Bàn chân hoặc cổ chân hoặc xương gót (một tư thế): 30.000đ;
- Bàn chân hoặc cổ chân hoặc xương gót (hai tư thế): 35.000đ;
- Cẳng chân hoặc khớp gối hoặc xương đùi hoặc khớp háng (một tư thế): 35.000đ;
- Cẳng chân hoặc khớp gối hoặc xương đùi hoặc khớp háng (hai tư thế): 35.000đ;
- Khung chậu: 35.000đ.

##### **c) Chụp X-Quang vùng đầu:**

- Xương sọ (một tư thế): 30.000đ;
- Xương chũm mỏm châm: 30.000đ;
- Xương đá (một tư thế): 30.000đ;
- Khớp thái dương-hàm: 30.000đ;
- Chụp ổ răng: 30.000đ.

##### **d) Chụp X-Quang cột sống:**

- Các đốt sống cổ: 30.000đ;
- Các đốt sống ngực: 35.000đ;
- Cột sống thắt lưng-cùng: 35.000đ;
- Cột sống cùng-cụt: 35.000đ;
- Chụp 2 đoạn liên tục: 35.000đ;
- Đánh giá tuổi xương: cổ tay đầu gối: 30.000đ. ✓

**đ) Chụp X-Quang vùng ngực:**

- Tim phổi thẳng: 35.000đ;
- Tim phổi nghiêng: 35.000đ;
- Xương ức hoặc xương sườn: 35.000đ.

**e) Chụp X-Quang hệ tiết niệu đường tiêu hóa và đường mật:**

- Chụp hệ tiết niệu không chuẩn bị: 35.000đ;
- Chụp hệ tiết niệu có tiêm thuốc cản quang (UIV): 300.000đ;
- Chụp niệu quản - bể thận ngược dòng (UPR) có tiêm thuốc cản quang: 250.000đ;
- Chụp bụng không chuẩn bị: 35.000đ;
- Chụp thực quản có uống thuốc cản quang: 70.000đ;
- Chụp dạ dày-tá tràng có uống thuốc cản quang: 80.000đ;
- Chụp khung đại tràng có thuốc cản quang: 100.000đ.

**g) Một số kỹ thuật chụp X-Quang khác:**

- Chụp tử cung-vòi trứng (bao gồm cả thuốc): 200.000đ;
- Chụp tử cung có tiêm thuốc: 230.000đ;
- Chụp vòm mũi họng: 35.000đ;
- Chụp ống tai trong: 35.000đ;
- Chụp họng hoặc thanh quản: 35.000đ;
- Chụp CT Scanner đến 32 dãy (chưa bao gồm thuốc cản quang): 410.000đ;
- Chụp CT Scanner đến 32 dãy (bao gồm cả thuốc cản quang): 715.000đ;
- Dẫn lưu, nong đặt Stent trực tiếp qua da bệnh lý các tạng (Dẫn lưu và đặt Stent đường mật mở thông dạ dày qua da, dẫn lưu các ổ áp xe và tạng ổ bụng, sonde JJ thận...) dưới DSA: 2.000.000đ;
- Chụp X-quang số hóa 1 phim: 45.000đ;
- Chụp X-quang số hóa 2 phim: 70.000đ;
- Chụp X-quang số hóa 3 phim: 90.000đ;
- Chụp tử cung-vòi trứng bằng số hóa: 250.000đ;
- Chụp hệ tiết niệu có tiêm thuốc cản quang (UIV) số hóa: 300.000đ;
- Chụp niệu quản - bể thận ngược dòng (UPR) số hóa: 300.000đ;
- Chụp thực quản có uống thuốc cản quang số hóa: 115.000đ;
- Chụp dạ dày-tá tràng có uống thuốc cản quang số hóa: 115.000đ;
- Chụp khung đại tràng có thuốc cản quang số hóa: 140.000đ;
- Chụp tử cung có thuốc cản quang số hóa: 310.000đ.

**3.2. Các thủ thuật, tiểu thủ thuật, nội soi:**

- Thông đái: 40.000đ;
- Thụt tháo phân: 30.000đ;
- Chọc hút hạch hoặc u: 40.000đ;
- Chọc dò màng bụng hoặc màng phổi: 65.000đ;
- Chọc rửa màng phổi: 90.000đ;
- Chọc hút khí màng phổi: 60.000đ;
- Thay rửa hệ thống dẫn lưu màng phổi: 40.000đ;
- Rửa bàng quang (chưa bao gồm hóa chất): 80.000đ;
- Nong niệu đạo và đặt thông đái: 100.000đ;
- Điều trị sỏi mật bằng đốt điện, Plasma, Laser CO2 (tính cho 1-5 thương tổn): 80.000đ;
- Thận nhân tạo chu kỳ (Quả lọc dây máu dùng 6 lần): 450.000đ;
- Thận nhân tạo cấp cứu (quả lọc dây máu dùng 1 lần): 750.000đ; *a*


- Sinh thiết hạch,u: 80.000đ;
- Sinh thiết màng phổi: 250.000đ;
- Nội soi thực quản-dạ dày- tá tràng ống mềm không sinh thiết: 100.000đ;
- Nội soi thực quản-dạ dày- tá tràng ống mềm có sinh thiết.: 150.000đ;
- Nội soi đại trực tràng ống mềm không sinh thiết: 130.000đ;
- Nội soi đại trực tràng ống mềm có sinh thiết: 180.000đ;
- Nội soi trực tràng ống mềm không sinh thiết: 85.000đ;
- Nội soi trực tràng có sinh thiết: 145.000đ;
- Nội soi phế quản ống mềm gây tê: 350.000đ;
- Dẫn lưu màng phổi tối thiểu: 350.000đ;
- Mở khí quản: 400.000đ;
- Đặt ống thông tĩnh mạch bằng Catheter 2 nòng: 850.000đ;
- Đặt ống thông tĩnh mạch bằng Catheter 3 nòng: 650.000đ;
- Thở máy (01 ngày điều trị): 300.000đ;
- Đặt nội khí quản: 300.000đ;
- Thẩm tách siêu lọc máu (Hemodiafiltration online: HDF ON - LINE): 2.000.000đ;
- Cấp cứu ngừng tuần hoàn: 200.000đ;
- Chọc tháo dịch màng bụng hoặc màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm: 80.000đ;
- Thủ thuật chọc hút tủy làm tủy đồ (chưa tính kim chọc hút tủy): 50.000đ;
- Thủ thuật chọc hút tủy làm tủy đồ: 300.000đ;
- Nội soi phế quản ống mềm gây tê có sinh thiết: 500.000đ;
- Nội soi phế quản ống mềm gây tê lấy dị vật: 1.500.000đ;
- Chọc hút hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn của siêu âm: 60.000đ;
- Chọc hút hạch hoặc u dưới hướng dẫn của cắt lớp vi tính: 600.000đ.

### **3.3. Y học dân tộc - phục hồi chức năng:**

- Hồng ngoại: 15.000đ;
- Điện phân: 15.000đ;
- Sóng ngắn: 15.000đ;
- Tử ngoại: 15.000đ;
- Điện xung: 15.000đ;
- Tập vận động toàn thân (30 phút): 12.000đ;
- Tập vận động đoạn chi (30 phút): 12.000đ;
- Siêu âm điều trị: 25.000đ;
- Điện từ trường: 15.000đ;
- Bó Farafin: 35.000đ;
- Kéo nắn,kéo dẫn cột sống,các khớp: 18.000đ.


### **3.4. Các phẫu thuật, thủ thuật theo chuyên khoa:**

#### **a) Ngoại khoa:**

- Cắt chỉ: 30.000đ;
- Thay băng vết thương chiều dài dưới 15cm: 40.000đ;
- Thay băng vết thương chiều dài trên 15cm đến 30 cm: 55.000đ;
- Thay băng vết thương chiều dài từ 30 cm đến dưới 50 cm: 70.000đ;
- Thay băng vết thương chiều dài < 30 cm nhiễm trùng: 75.000đ;
- Thay băng vết thương chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng: 120.000đ;
- Thay băng vết thương chiều dài > 50cm nhiễm trùng: 140.000đ; 

- Tháo bột: cột sống/ lưng/ khớp háng/ xương đùi/ xương chậu: 30.000đ;
- Tháo bột khác: 25.000đ;
- Vết thương phần mềm tổn thương nông chiều dài < 10 cm: 110.000đ;
- Vết thương phần mềm tổn thương nông chiều dài > 10 cm: 150.000đ;
- Vết thương phần mềm tổn thương sâu chiều dài < 10 cm: 150.000đ;
- Vết thương phần mềm tổn thương sâu chiều dài > 10 cm: 160.000đ;
- Cắt bỏ những u nhỏ, cyst, sẹo của da, tổ chức dưới da: 140.000đ;
- Chích rạch nhọt, Apxe nhỏ dẫn lưu: 70.000đ;
- Tháo lồng ruột bằng hơi hay baryte: 65.000đ;
- Cắt phimosis: 130.000đ;
- Thắt các búi trĩ hậu môn: 150.000đ;
- Nắn trật khớp khuỷu tay/ khớp xương đòn/ khớp hàm (bột tự cán): 40.000đ;
- Nắn trật khớp khuỷu tay/ khớp xương đòn/ khớp hàm (bột liền): 150.000đ;
- Nắn trật khớp vai (bột tự cán): 50.000đ;
- Nắn trật khớp vai (bột liền): 170.000đ;
- Nắn trật khớp khuỷu chân/ khớp cổ chân/ khớp gối (bột tự cán): 50.000đ;
- Nắn trật khớp khuỷu chân/ khớp cổ chân/ khớp gối (bột liền): 120.000đ;
- Nắn trật khớp háng (bột tự cán): 120.000đ;
- Nắn trật khớp háng (bột liền): 400.000đ;
- Nắn, bó bột xương đùi/ chậu/ cột sống (bột tự cán): 130.000đ;
- Nắn, bó bột xương đùi/ chậu/ cột sống (bột liền): 400.000đ;
- Nắn, bó bột xương cẳng chân (bột tự cán): 50.000đ;
- Nắn, bó bột xương cẳng chân (bột liền): 130.000đ;
- Nắn, bó bột xương cánh tay (bột tự cán): 50.000đ;
- Nắn, bó bột xương cánh tay (bột liền): 120.000đ;
- Nắn, bó bột gãy xương cẳng tay (bột tự cán): 40.000đ;
- Nắn, bó bột gãy xương cẳng tay (bột liền): 120.000đ;
- Nắn, bó bột bàn chân/ bàn tay (bột tự cán): 40.000đ;
- Nắn, bó bột bàn chân/ bàn tay (bột liền): 100.000đ;
- Nắn có gậy mê, bó bột bàn chân ngựa vằn vào, bàn chân bẹt/ tật gối cong lồm trong hay lồm ngoài (bột tự cán): 200.000đ;
- Nắn có gậy mê, bó bột bàn chân ngựa vằn vào, bàn chân bẹt/ tật gối cong lồm trong hay lồm ngoài (bột liền): 300.000đ.

**b) Sản phụ:**

- Hút buồng tử cung do rong kinh rong huyết: 70.000đ;
- Nạo sót thai, nạo sót rau sau sảy, sau đẻ: 150.000đ;
- Đỡ đẻ thường ngôi chỏm: 350.000đ;
- Đỡ đẻ ngôi ngược: 400.000đ;
- Đỡ đẻ từ sinh đôi trở lên: 450.000đ;
- Forceps hoặc Giác hút sản khoa: 400.000đ;
- Soi cổ tử cung: 35.000đ;
- Soi ối: 25.000đ;
- Điều trị tổn thương cổ tử cung bằng đốt điện hoặc nhiệt hoặc laser: 40.000đ;
- Chích apxe tuyến vú: 90.000đ;
- Xoắn hoặc cắt bỏ polype âm hộ, âm đạo, cổ tử cung: 150.000đ;
- Phẫu thuật lấy thai lần đầu: 1.000.000đ;
- Phẫu thuật lấy thai lần thứ 2 trở lên: 1.200.000đ; 



- Lọc, rửa, bơm tinh trùng vào buồng tử cung (IUI): 500.000đ;
- Phá thai đến hết 7 tuần bằng thuốc: 120.000đ;
- Phá thai từ 13 tuần đến 22 tuần bằng thuốc: 300.000đ;

**c) Mắt:**

- Đo nhãn áp: 10.000đ;
- Đo Javal: 10.000đ;
- Đo thị trường, ám đốm: 10.000đ;
- Thử kính loạn thị: 8.000đ;
- Soi đáy mắt: 15.000đ;
- Tiêm hậu nhãn cầu một mắt: 12.000đ;
- Tiêm dưới kết mạc một mắt: 12.000đ;
- Thông lệ đạo một mắt: 25.000đ;
- Thông lệ đạo hai mắt: 40.000đ;
- Chích chấp/ lệ: 35.000đ;
- Lấy dị vật kết mạc nông một mắt: 20.000đ;
- Lấy dị vật giác mạc nông, một mắt (gây tê): 20.000đ;
- Lấy dị vật giác mạc sâu, một mắt (gây tê): 150.000đ;
- Phẫu thuật cắt mộng ghép màng ối kết mạc – gây tê: 400.000đ;
- Khâu da mi, kết mạc mi bị rách - gây mê: 400.000đ;
- Mỏ quặm 1 mi - gây mê: 300.000đ;
- Mỏ quặm 2 mi - gây mê: 470.000đ;
- Mỏ quặm 3 mi - gây mê: 500.000đ;
- Mỏ quặm 4 mi - gây mê: 700.000đ.

**d) Tai - mũi - họng:**

- Trích rạch apxe Amidan (gây tê): 90.000đ;
- Trích rạch apxe thành sau họng (gây tê): 90.000đ;
- Cắt Amidan (gây tê): 120.000đ;
- Nội soi chọc rửa xoang hàm (gây tê): 120.000đ;
- Lấy dị vật tai ngoài đơn giản: 50.000đ;
- Lấy dị vật tai ngoài dưới kính hiển vi (gây tê): 100.000đ;
- Lấy dị vật trong mũi không gây mê: 90.000đ;
- Lấy dị vật trong mũi có gây mê: 350.000đ;
- Nội soi lấy dị vật thực quản gây tê ống cứng: 100.000đ;
- Nội soi lấy dị vật thực quản gây tê ống mềm: 130.000đ;
- Lấy dị vật thanh quản gây tê ống cứng: 110.000đ;
- Nội soi đốt điện cuốn mũi hoặc cắt cuốn mũi gây tê: 150.000đ;
- Nội soi cắt polype mũi gây tê: 150.000đ;
- Mỏ cắt bỏ u bã đậu vùng đầu mặt cổ gây tê: 300.000đ;
- Nạo VA gây mê: 350.000đ;
- Nội soi lấy dị vật thực quản gây mê ống cứng: 350.000đ;
- Nội soi lấy dị vật thực quản gây mê ống mềm: 360.000đ;
- Lấy dị vật thanh quản gây mê ống cứng: 350.000đ;
- Nội soi cắt polype mũi gây mê: 300.000đ;
- Trích rạch apxe Amidan (gây mê): 400.000đ;
- Trích rạch apxe thành sau họng (gây mê): 450.000đ; ✓

- Cắt Amidan (gây mê): 500.000đ;
- Nội soi đốt điện cuốn mũi/ cắt cuốn mũi gây mê: 350.000đ;
- Mổ cắt bỏ u bã đậu vùng đầu mặt cổ gây mê: 500.000đ.

#### **đ) Răng - hàm - mặt:**

- **Các kỹ thuật về răng miệng:**
  - + Nhổ răng sữa/chân răng sữa: 10.000đ;
  - + Nhổ răng số 8 bình thường: 70.000đ;
  - + Nhổ răng số 8 có biến chứng khít hàm: 150.000đ;
  - + Lấy cao răng và đánh bóng một vùng/ một hàm: 35.000đ;
  - + Lấy cao răng và đánh bóng hai hàm: 40.000đ;
  - + Rửa chám thuốc điều trị viêm loét niêm mạc (1 lần): 20.000đ.
- **Răng giả tháo lắp:** một răng: 150.000đ.
- **Răng giả cố định:**
  - + Răng chốt đơn giản: 150.000đ;
  - + Mũ chụp nhựa: 150.000đ;
  - + Mũ chụp kim loại: 200.000đ.
- **Các phẫu thuật, thủ thuật hàm mặt:**
  - + Khâu vết thương phần mềm nông dài < 5 cm: 100.000đ;
  - + Khâu vết thương phần mềm nông dài > 5 cm: 150.000đ;
  - + Khâu vết thương phần mềm sâu dài < 5 cm: 150.000đ;
  - + Khâu vết thương phần mềm sâu dài > 5 cm: 180.000đ.

#### **3.5. Xét nghiệm:**

##### **a) Xét nghiệm huyết học - miễn dịch:**

- Huyết đồ (bằng phương pháp thủ công): 40.000đ;
- Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng phương pháp thủ công): 20.000đ;
- Máu lắng (bằng phương pháp thủ công): 12.000đ;
- Định nhóm máu hệ ABO bằng phương pháp ống nghiệm; trên phiến đá hoặc trên giấy: 20.000đ;
- Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền máu toàn phần: khối hồng cầu khối bạch cầu: 15.000đ;
- Định nhóm máu hệ Rh(D) bằng phương pháp ống nghiệm, phiến đá: 20.000đ;
- Tìm tế bào Hargraves: 25.000đ;
- Thời gian máu chảy (phương pháp Duke): 8.000đ;
- Co cục máu đông: 10.000đ;
- Thời gian Prothrombin (PT TQ) bằng máy bán tự động tự động: 40.000đ;
- Xét nghiệm tế bào học tủy xương: 100.000đ;
- Điện giải đồ (Na+ K+ CL +): 25.000đ;
- Định lượng Ca<sup>++</sup> máu: 15.000đ;
- Định lượng các chất Albumine; Creatine; Globuline; Glucose; Phospho Protein toàn phần Ure Axit Uric amilaze ... (mỗi chất): 18.000đ;
- Định lượng Sắt huyết thanh hoặc Mg ++ huyết thanh: 25.000đ;
- Các xét nghiệm BILIRUBIN toàn phần hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp; Các xét nghiệm các enzym: phosphataze kiềm hoặc GOT hoặc GPT...: 20.000đ;
- Định lượng Tryglyceride hoặc Phospholipid hoặc Lipid toàn phần hoặc Cholesterol toàn phần hoặc HDL-cholesterol hoặc LDL - cholesterol: 20.000đ;
- Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu bằng phương pháp thủ công: 20.000đ;

- Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng hệ thống tự động hoàn toàn): 60.000đ;
- Xét nghiệm đường máu mao mạch: 15.000đ;
- Xét nghiệm hóa sinh HbA1C: 70.000đ;

**b) Xét nghiệm nước tiểu:**

- Calci niệu: 15.000đ;
- Phospho niệu: 15.000đ;
- Điện giải đồ ( Na,K,Cl) niệu: 30.000đ;
- Định lượng Protein niệu hoặc đường niệu: 8.000đ;
- Tế bào cặn nước tiểu hoặc cặn Adis: 40.000đ;
- Ure hoặc Axit Uric hoặc Creatinin niệu: 12.000đ;
- Amylase niệu: 26.000đ.

**c) Xét nghiệm phân:**

- Tìm Bilirubin: 4.000đ;
- Soi trực tiếp tìm hồng cầu, bạch cầu trong phân: 20.000đ.

**d) Xét nghiệm các chất dịch khác của cơ thể** (Dịch rỉ viêm, đờm, mủ, nước ối, dịch não tủy, dịch màng phổi, màng tim, màng bụng, tinh dịch, dịch âm đạo...):

**- Xét nghiệm vi khuẩn - ký sinh trùng:**

- + Soi tươi tìm ký sinh trùng (đường ruột, ngoài đường ruột): 25.000đ;
- + Soi trực tiếp nhuộm soi (nhuộm Gram, nhuộm xanh Methylen): 40.000đ;
- + Kháng sinh đồ MIC cho vi khuẩn (cho 1 loại kháng sinh): 100.000đ;
- + Kháng sinh đồ: 110.000đ;
- + Nuôi cấy định danh vi khuẩn bằng phương pháp thông thường: 150.000đ;
- + Nuôi cấy và định danh nấm bằng phương pháp thông thường: 150.000đ;
- + RPR định tính: 25.000đ.

**- Xét nghiệm tế bào:**

- + Tế bào dịch màng (phổi, bụng, tim, khớp...): 35.000đ;
- + Tế bào dịch màng (phổi, bụng, tim, khớp...) có đếm số lượng tế bào: 55.000đ.

**- Xét nghiệm dịch chọc dò:**

- + Protein dịch: 8.000đ;
- + Glucose dịch: 9.000đ;
- + Clo dịch: 10.000đ.

**- Xét nghiệm giải phẫu bệnh lý:**

+ Xét nghiệm và chẩn đoán mô bệnh học bằng phương pháp nhuộm Hemtoxylin Eosin: 150.000đ;  
 + Xét nghiệm và chẩn đoán mô bệnh học bằng phương pháp nhuộm PAS (Periodic Acide - Siff): 150.000đ;

- + Xét nghiệm và chẩn đoán mô bệnh học bằng phương pháp nhuộm Giem sa: 125.000đ;
- + Xét nghiệm và chẩn đoán mô bệnh học tức thì bằng phương pháp cắt lạnh: 220.000đ;
- + Xét nghiệm các loại dịch, nhuộm và chẩn đoán tế bào học: 70.000đ;
- + Xét nghiệm và chẩn đoán tế bào học qua chọc hút tế bào bằng kim nhỏ (FNA): 110.000đ.

**- Xét nghiệm giải độc chất:**

- + Xử lý mẫu xét nghiệm độc chất: 80.000đ;
- + Xét nghiệm định tính một chỉ tiêu ma túy trong nước tiểu bằng máy Express pluss: 90.000đ;
- + Xét nghiệm sàng lọc và định tính 5 loại ma túy: 300.000đ. ✓

**đ) Thăm dò chức năng:**

- Điện tâm đồ: 25.000đ;

- Điện não đồ: 50.000đ;
- Lưu huyết não: 25.000đ;
- Đo chức năng hô hấp: 90.000đ.

**e) Thăm dò và điều trị bằng đồng vị phóng xạ:**

- Định lượng bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ: T3 hoặc FT3 hoặc T4 hoặc FT4 hoặc TSH hoặc Micro Albumin niệu hoặc kháng thể kháng Insullin hoặc alcitonin: 60.000đ;
- Định lượng bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ: LH hoặc FSH hoặc HCG hoặc Insullin hoặc Testosteron hoặc Prolactin hoặc Progesteron hoặc Estradiol hoặc CEA hoặc AFP hoặc PSA hoặc Cortisol: 60.000đ. ✓